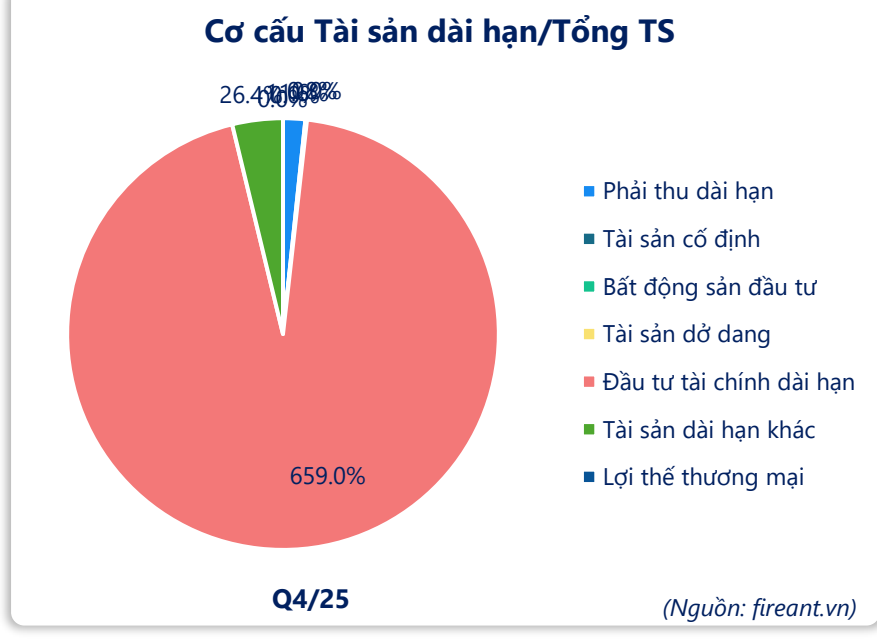
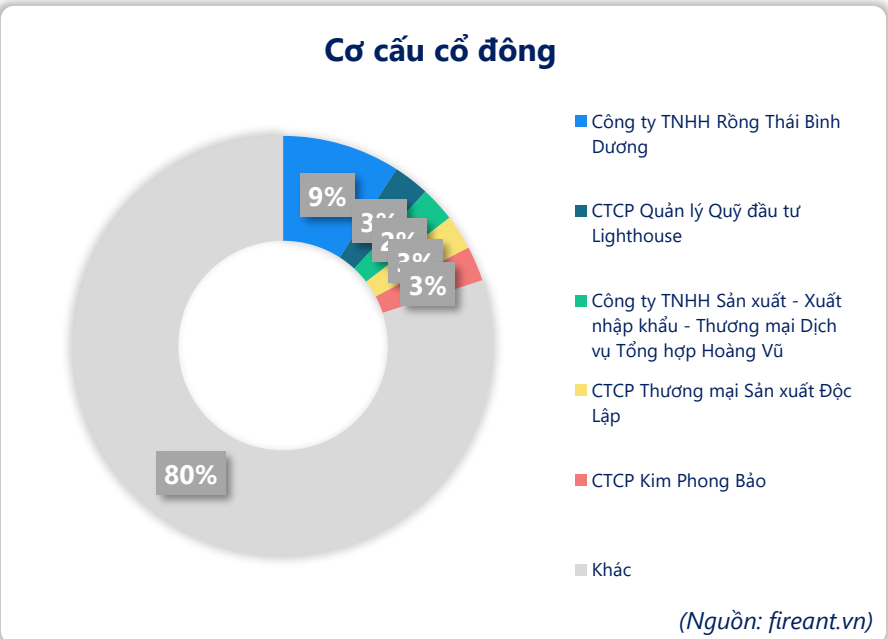
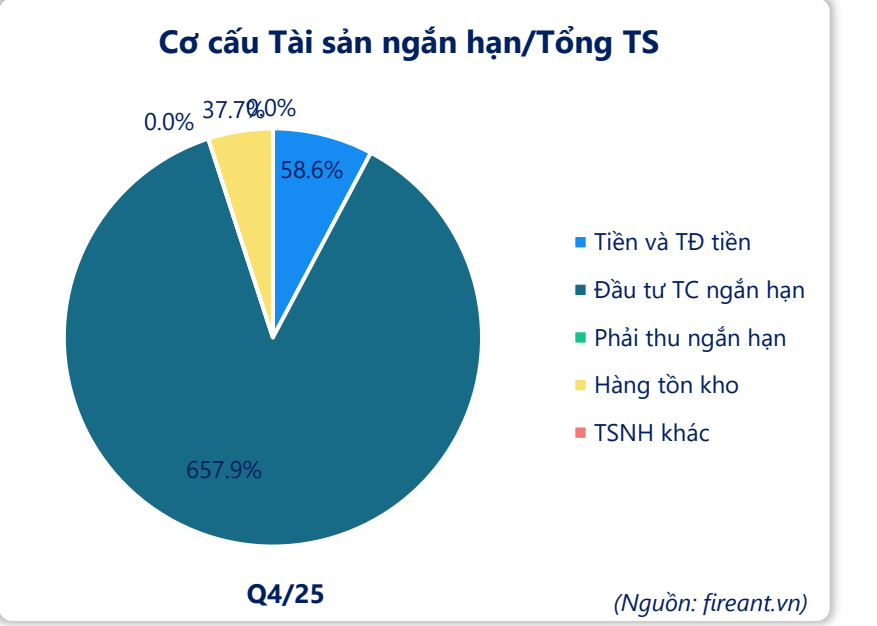
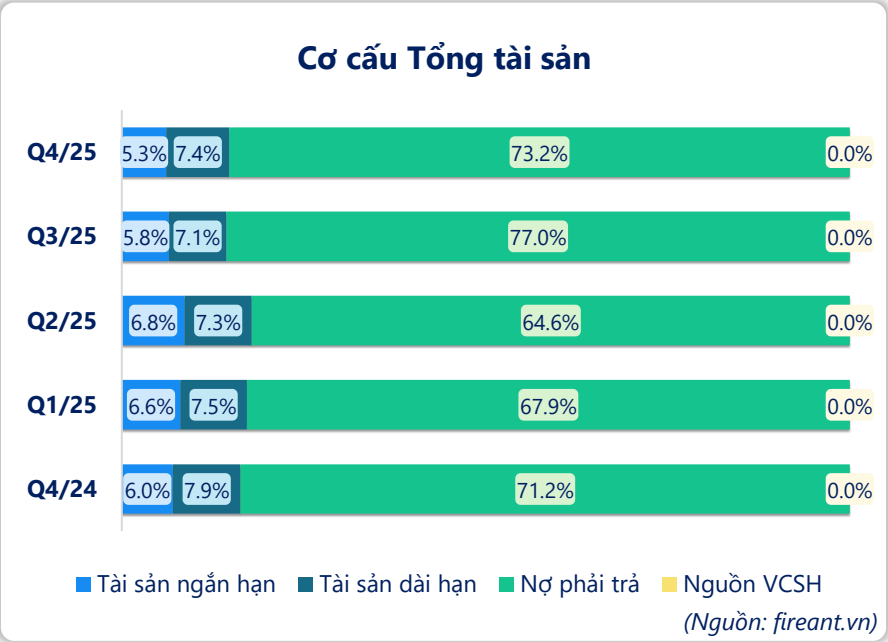
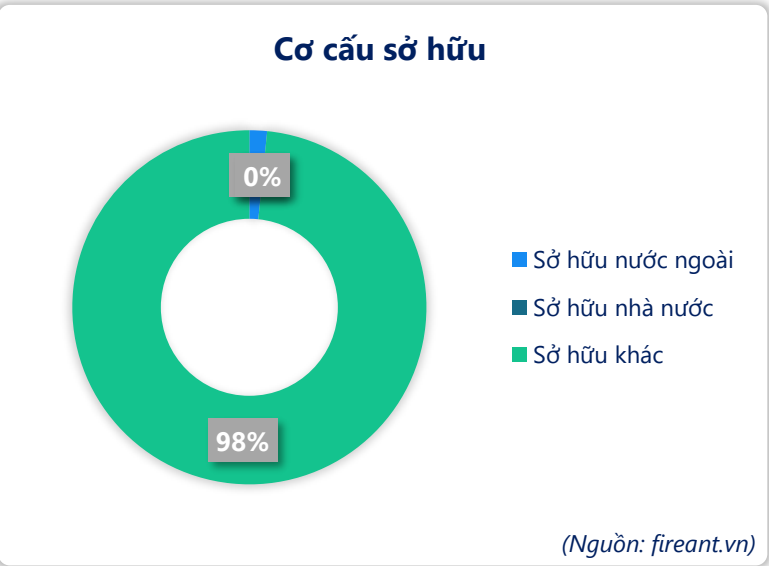
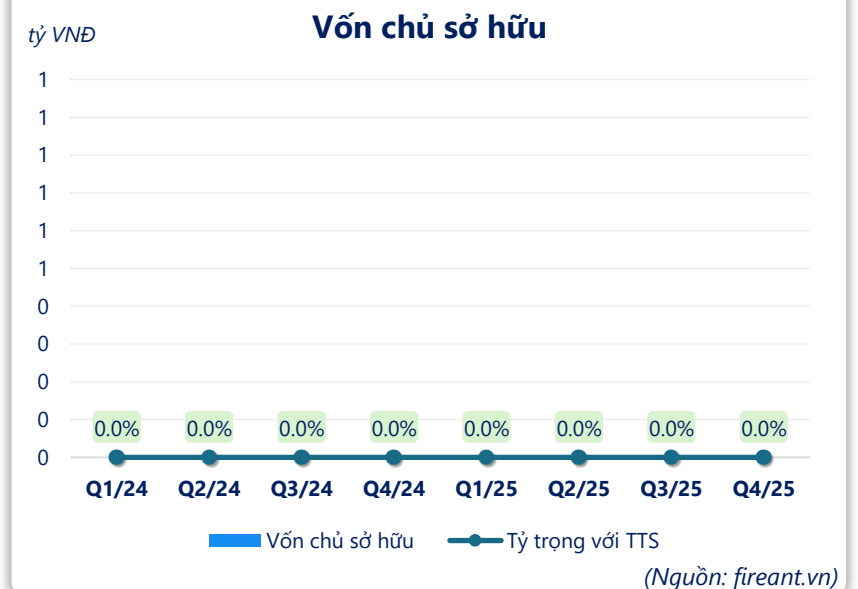
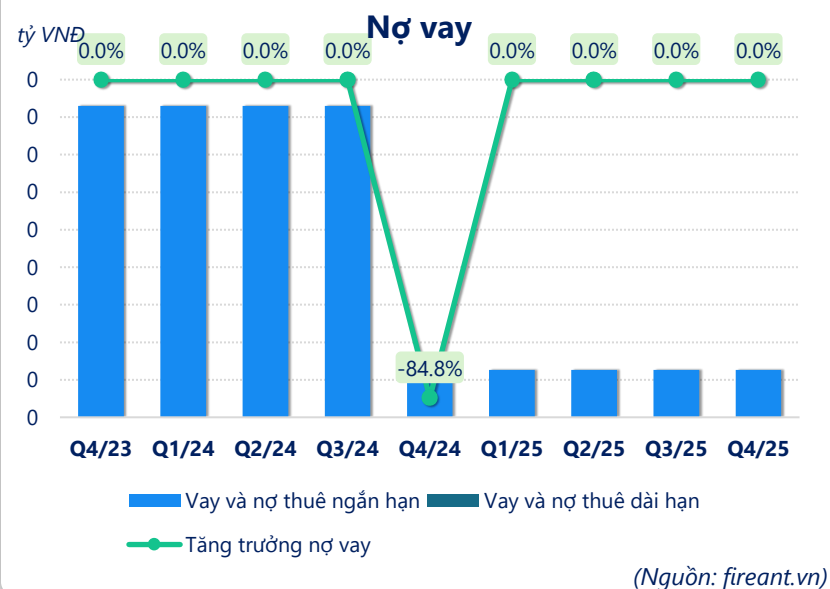
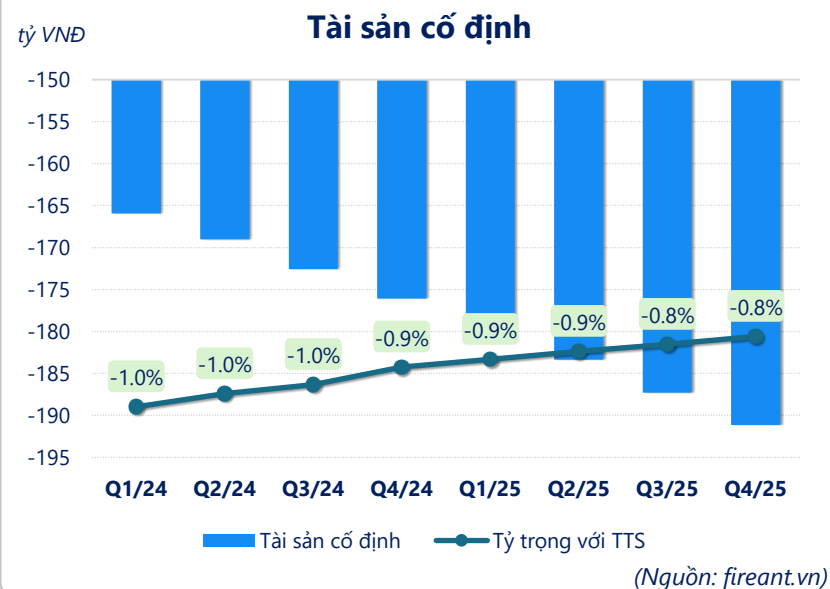
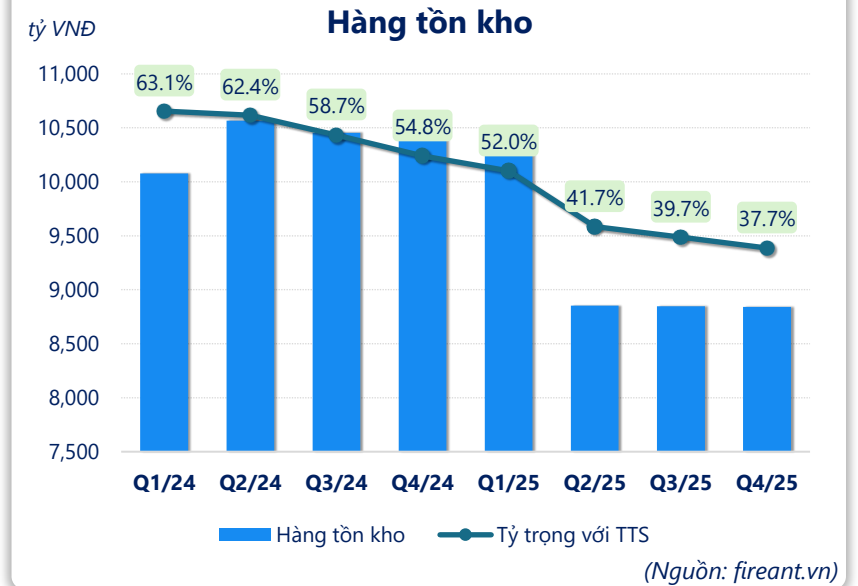
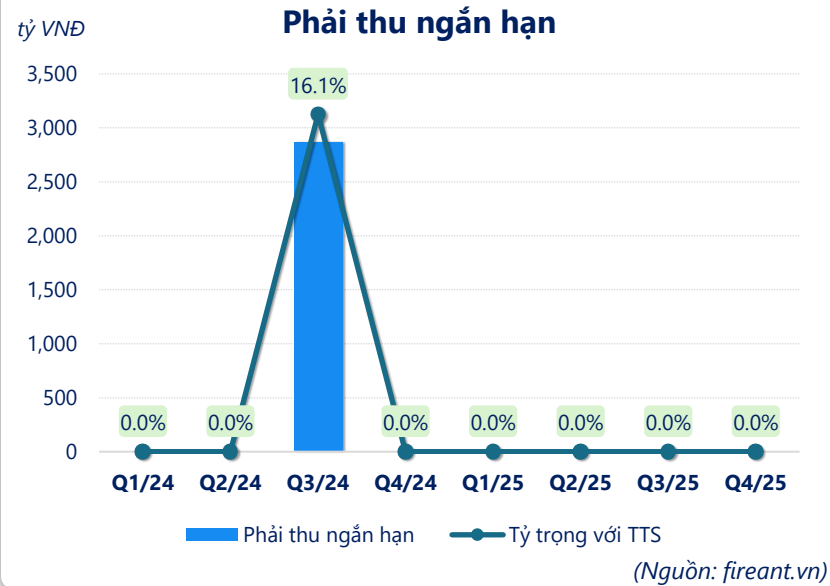
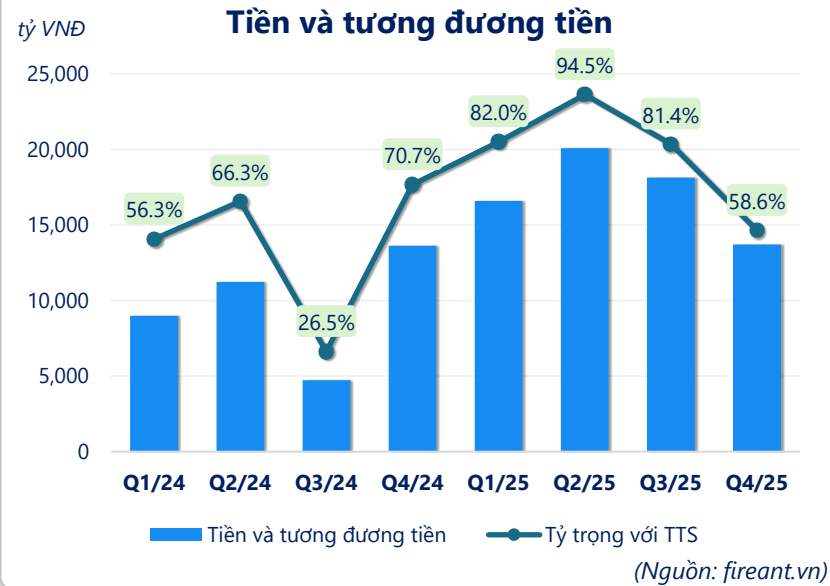
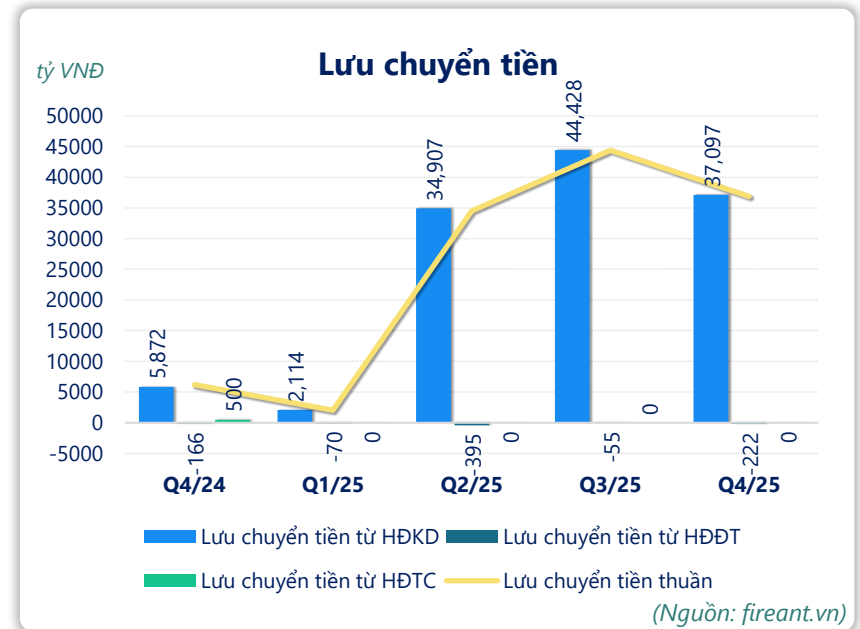
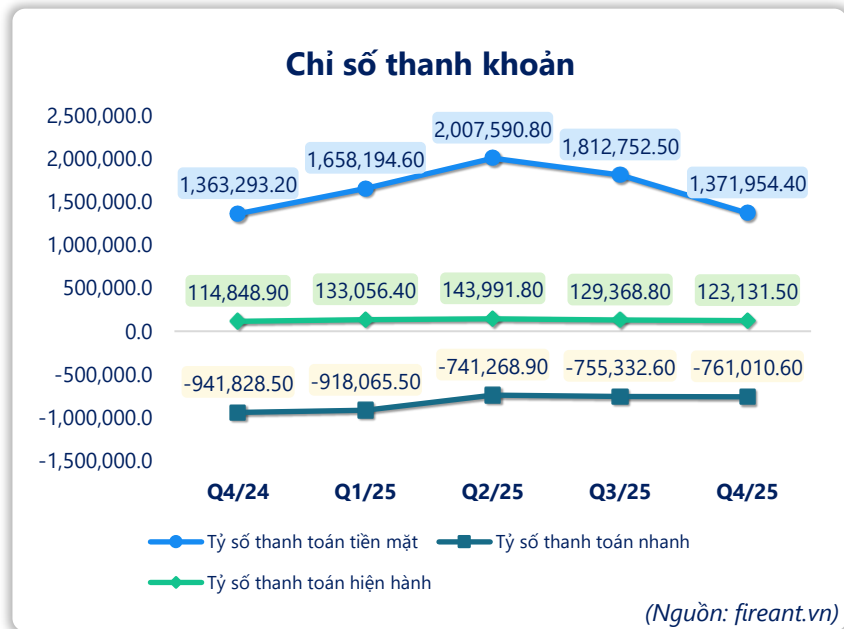
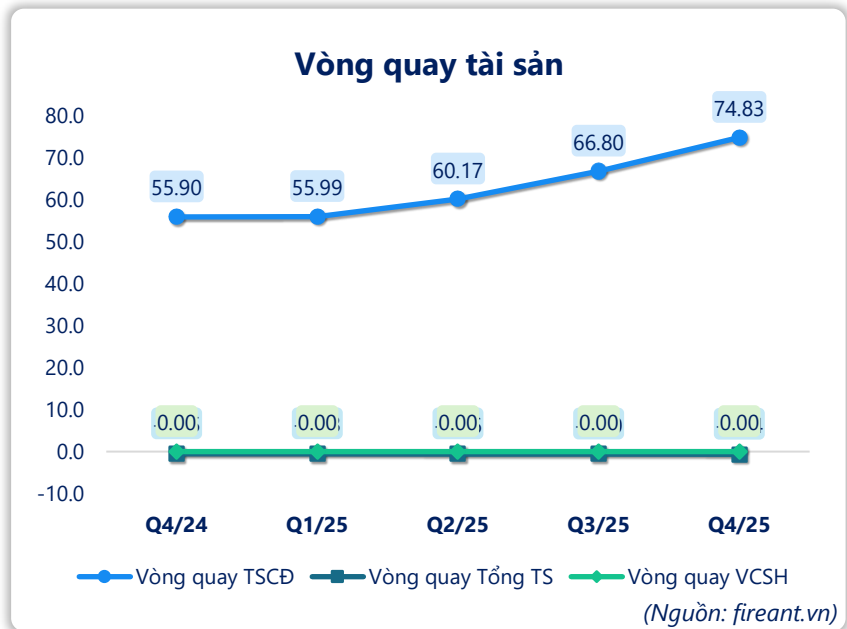
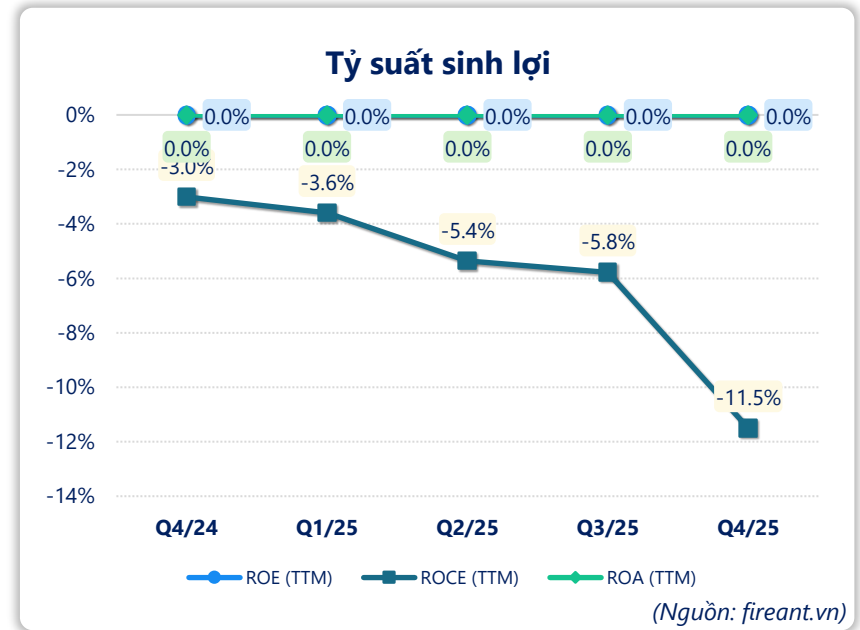
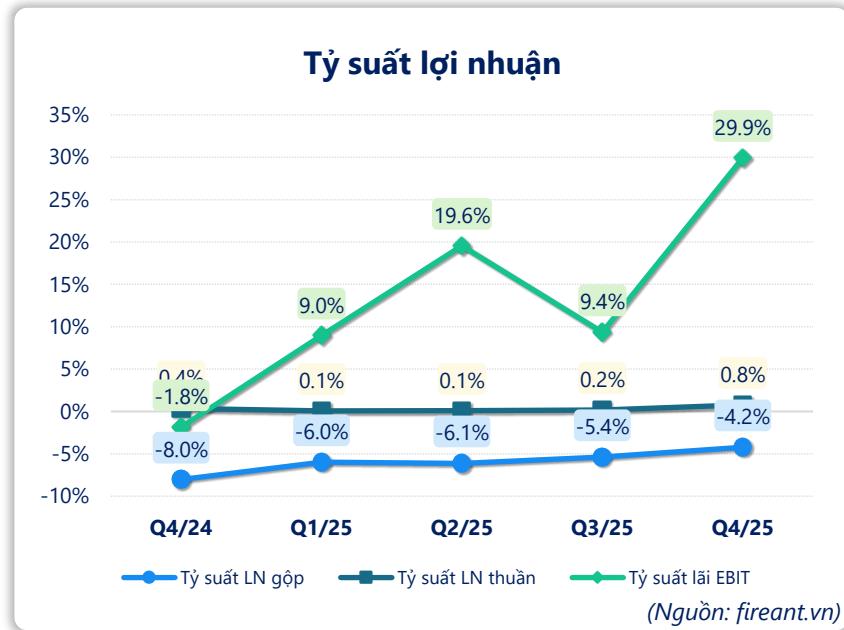
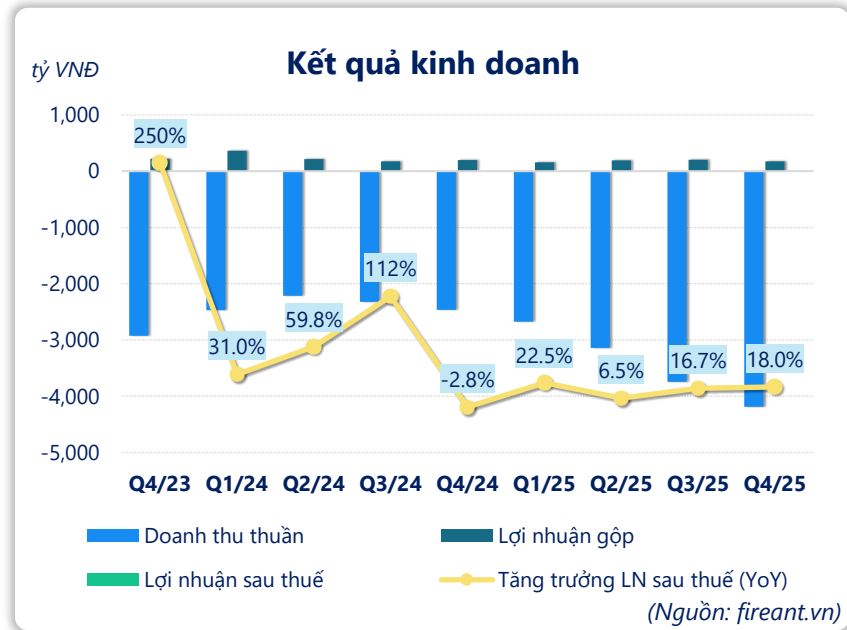


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		14,300
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		17,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		12,360
SL cổ phiếu LH		1,715,686,480
KLGD BQ 20 phiên (CP)		4,417,316
% sở hữu nước ngoài		1.6%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		24,534
P/E		5.9
EPS		2,438

	YTD	1T	3T	6T
NAB	12.1%	-2.1%	-3.7%	1.6%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	23,431	19,289	21.5%
Tài sản ngắn hạn	1,231	1,148	7.2%
Tiền và tương đương tiền	13,720	13,633	0.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	154,154	36,520	322%
Phải thu ngắn hạn	0	0	
Hàng tồn kho	8,841	10,567	-16.3%
Tài sản ngắn hạn khác	0	0	
Tài sản dài hạn	1,740	1,529	13.8%
Phải thu dài hạn	2,718	2,307	17.8%
Tài sản cố định	-191	-176	-8.5%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	154,419	37,715	309%
Tài sản dài hạn khác	6,189	4,643	33.3%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	17,157	13,726	25.0%
Nợ ngắn hạn	0.01	0.01	0.0%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0.06	0.06	0.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	0	0	
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	0	0	
Vốn chủ sở hữu	0	0	
Vốn điều lệ	0	0	
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	-2,464	-2,672	-3,141	-3,742	-4,184
Giá vốn hàng bán	139	127	152	174	135
Lợi nhuận gộp	198	160	192	202	177
Doanh thu HĐTC	-59.0	-32.6	-40.2	-27.9	-41.2
Chi phí TC	24.8	15.2	16.5	13.6	-22.3
Chi phí lãi vay	0.86	0.27	0	6.16	0
LN trong công ty LKLD	26.7	19.4	85.6	75.9	54.3
Chi phí bán hàng	313	6.17	336	269	1,451
Chi phí QLDN	323	8.04	339	276	1,484
LN thuần từ HĐKD	-9.33	-1.87	-3.36	-6.82	-32.6
Lợi nhuận khác	1,178	1,465	1,910	1,648	2,695
LN trước thuế	44.7	-240	-614	-356	-1,253
Lợi nhuận sau thuế	0	0	0	0	0
LNST của CĐ cty mẹ	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	5,872	2,114	34,907	44,428	37,097
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-166	-70.2	-395	-55.4	-222
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	500	-0.12	-0.01	0.00	-0.02
Tiền đầu kỳ	45,090	51,301	53,334	87,837	132,206
Lưu chuyển tiền thuần	6,205	2,043	34,511	44,373	36,875
Ảnh hưởng tỷ giá	6.60	-11.0	-8.49	-3.86	23.4
Tiền cuối kỳ	51,301	53,334	87,837	132,206	169,105

(Nguồn: fireant.vn)